TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2019/HS-PT
Ngày: 20/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn
Các Thẩm phán: 1/ Ông Tô Chánh Trung
2/ Bà Mai Thị Tú Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên cao cấp, VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20/03/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ NTL số: 165/2018/TLPT-HS ngày 15/3/2018 đối với các bị cáo LĐT và bị cáo NTL do có kháng cáo của bị cáo NTL đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2018/HS-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:*

1/ LĐT; giới tính: Nam; Sinh ngày: 11/4/1971 tại tỉnh An Giang; HKTT: ấp MHB, xã MHĐ, huyện CM, tỉnh An Giang; Chỗ ở: 840/4 Sáu Thoại, Khóm 4, phường Mỹ Phước, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: nguyên Giám đốc Công ty Phước Đạt; trình độ văn hóa: 07/12; con ông: LHH và bà PTKB; có vợ tên PTHL, có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giam: 30/7/2015 (Có mặt tại phiên tòa phúc thẩm).

2/ NTL, giới tính: Nữ; Sinh ngày: 12/4/1969 tại tỉnh Quảng Ngãi; HKTT: 179/26 HB, phường HT, quận TP, TPHCM; Chỗ ở: 179/26 HB, phường HT, quận TP, TPHCM; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: NL và bà: ĐTH, có chồng: PTT; có hai con sinh năm 1990 và 1992; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo NTL: Luật sư Phạm Văn Vui, Công ty Luật Thịnh Vượng, ProLaw Firm Tp.HCM (Có mặt tại phiên tòa phúc thẩm).

Người tiến hành tố tụng được triệu tập đến phiên tòa:

Ông LTA– Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt tại phiên tòa phúc thẩm).

Người kháng cáo: Bị cáo NTL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm bị cáo có các hành vi như sau:

Năm 2010, Cục cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng (C48) – Bộ Công an đang tiến hành các thủ tục kỷ luật ông PTT là cán bộ thuộc C48 - – Bộ Công an, do vi phạm một số quy định của ngành Công an. NTL (vợ ông TI) biết được thông tin nêu trên, NTL đến trụ sở Công ty TNHH Vạn Thịnh Phước số 21/13 Nguyễn Thiện Thuật, Phường 2, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh do ông NVT làm Giám đốc, có ông TBT, NQH (bạn của ông Thu) và LĐT nghe NTL kể lại sự việc của ông TI và việc NTL muốn tìm người lo giúp ông TI không bị kỷ luật.

Khi nghe NTL kể về sự việc của ông TI, LĐT nói với NTL và mọi người là LĐT quen biết ông LMB là em ruột của ông LHA – Bộ trưởng Bộ Công an, LĐT hứa sẽ giúp ông TI không bị kỷ luật. Qua nhiều lần trao đổi, gặp gỡ. NTL đã tin tưởng và đồng ý nhờ LĐT lo chạy giúp cho ông TI. LĐT yêu cầu NTL phải đưa số tiền chi phí là 700.000.000 đồng, nhưng sau nhiều lần thỏa thuận LĐT đồng ý chi phí là 500.000.000 đồng. Từ ngày 03/11/2010 đến ngày 08/12/2010, NTL đã đưa cho LĐT 450.000.000 đồng để lo chạy cho ông PTT không bị Bộ Công an kỷ luật.

Ngày 10/01/2011, Tổng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm – Bộ Công an ra Quyết định xử NTL kỷ luật ông PTT bằng hình thức giáng cấp bậc, khai trừ khỏi Đảng và cho nghỉ hưu trước thời hạn. Sau khi ông TI bị Bộ Công an xử NTL kỷ luật, đến ngày 04/09/2012, sau 01 năm 08 tháng kể từ ngày ông TI bị Bộ Công an kỷ luật, NTL mới tố cáo hành vi của LĐT.

Tại cơ quan điều tra LĐT khai: Khi nghe NTL kể chuyện về việc chồng bà NTL là ông PTT đang công tác tại Bộ Công an sắp bị kỷ luật vì có con với người phụ nữ khác, thì LĐT có nói với NTL là: "Chuyện nhỏ, LĐT có quen biết với ông LMB em ruột của ông LHA – Bộ trưởng Bộ Công an, LĐT sẽ giúp chồng NTL không bị kỷ luật…", nên NTL tin và đưa tiền cho LĐT bằng chuyển khoản và giao tiền mặt nhiều lần tổng cộng 350.000.000 đồng để làm chi phí. Nhưng thực tế LĐT không quen biết ai ở Bộ Công an, nên LĐT nhờ bà NTLH ngụ tại số 129 Trần Văn Kiểu, Phường 13, Quận 5. Sau đó bà NTLH không giúp được, nên đã trả lại cho LĐT 350.000.000 đồng, ngoài ra LĐT còn mượn NTL số tiền 100.000.000 đồng để kinh doanh.

NTL khai: Khi nghe tin chồng là PTT sắp bị Bộ Công an kỷ luật do có quan hệ nam nữ với TTDT dẫn đến có con, thì LĐT giới thiệu với NTL là LĐT có quen biết người có chức vụ cao tại Bộ Công an, giúp chồng NTL không bị kỷ luật, nên NTL tin tưởng đã đưa 450.000.000 đồng cho LĐT để đi nhờ người có chức vụ tại Bộ Công an, nhưng ông TI vẫn bị kỷ luật. Lúc này NTL đi tìm LĐT đòi trả lại tiền, thì LĐT cắt liên lạc, NTL mới làm đơn tố cáo đến Cơ quan chức năng về việc làm của LĐT.

Ngoài ra các ông NVT, TBT và ông NQH cũng xác nhận khi nghe NTL kể về sự việc của ông PTT, thì LĐT chủ động giới thiệu LĐT có quen biết với ông LMB em ông LHA, LĐT hứa hẹn sẽ giúp NTL minh oan cho ông TI không bị kỷ luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 40/2018/HSST ngày 31/1/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo LĐT phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo NTL phạm tội: "Đưa hối lộ".

Áp dụng Điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung 2009: Xử phạt bị cáo LĐT: 07 (Bảy) năm tù.Thời hạn tù tính từ ngày: 30/07/2015.

Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo NTL: 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015: Buộc bị cáo LĐT nộp lại số tiền 450 triệu đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/6/2018 bị cáo NTL làm đơn kháng cáo, nêu NTL do, bị cáo kêu oan, bị cáo không phạm tội "Đưa hối lộ", số tiền bị cáo đưa cho LĐT là tiền trong dự án khai thác san lấp cát do LĐT lừa bị cáo thực sự thì dự án không có, nhưng cơ quan điều tra cố tình ép đó là tiền hối lộ, bị cáo xin được giải oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo NTL vẫn giữ yêu cầu kháng cáo kêu oan.

Luật sư Phạm Văn Vui bào chữa bảo vệ cho bị cáo NTL cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng trong quá trình điều tra, cụ thể: Bị cáo NTL có tố cáo hành vi lừa đảo của LĐT, Phụng lừa bị cáo số tiền làm ăn trong

việc san lấp cát, chứ không phải việc bị cáo đưa tiền cho LĐT để lo việc kỷ luật của chồng bị cáo, ngoài ra khi cơ quan điều tra lấy lời khai những người làm chứng thì những người này có nhiều lời khai với nội dung khác nhau, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phạm tội đưa hối lộ là chưa có căn cứ thuyết phục, đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng lời khai của bị cáo khai nhận ngay từ đơn tố cáo là có việc đưa tiền hối lộ và cũng được bị cáo LĐT thừa nhận ngay từ lúc đầu khi làm việc với cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các người làm chứng, nay các bị cáo chối tội là không có cơ sở xem xét, đền nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà phúc thẩm, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, với phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của của bị cáo NTL làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Căn cứ biên nhận tiền ngày 03/11/2010, biên nhận tiền ngày 03/11/2010 (Bút lục 80, 81); giấy nộp tiền ngày 16/11/2010 và ngày 08/12/2010 (Bút lục 82, 83), có nội dung: *" Đây là tiền chi phí để lo cho ông PTT không bị kỷ luật"* do bị cáo LĐT viết và xác nhận vào ngày 29/10/2013 và đơn tố cáo ngày 18/10/2012 (Bút lục 172), có nội dung: "*Tiền trong biên nhận đưa cho LĐT để kêu oan cho chồng tôi… chứ không phải tôi cho LĐT vay mượn tiền*" do chính bị cáo NTL viết gởi cơ quan điều tra.

Căn cứ các lời khai của các bị cáo LĐT, NTL tại cơ quan điều tra ở các bút lục 176,179,185, 195, 212, 224 và các lời khai của những người làm chứng như ông NVT, TBT, NQH ở các bút lục số 147,148, 151,159, 160, có nội dung xác nhận LĐT là người chủ động giới thiệu với NTL là có quen biết để NTL nhờ lo việc của chồng NTL.

Từ những chứng cứ trên, có cơ sở xác định: Bị cáo LĐT mặc dù không quen biết những người có thẩm quyền trong Bộ công an, cũng không thực hiện việc xin chạy án kỷ luật giúp cho ông PTT (chồng bị cáo NTL) nhưng đã nhận của bị cáo

NTL 450.000.000đồng hứa hẹn sẽ lo cho ông PTT không bị Bộ Công an xử NTL kỷ luật và chiếm đoạt luôn số tiền 450 triệu đồng rồi sau đó bỏ trốn.

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm;

Điều tra viên LTA thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định trong quá trình điều tra các bị cáo tự nguyện khai báo và viết xác nhận đúng sự thật vụ án, hoàn toàn không có việc ép cung, mớm cung đối với hai bị cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo LĐT về tội "Lừa đảo chiến đoạt tại sản" và bị cáo NTL về tội "Đưa hối lộ" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo LĐT không kháng cáo và chấp nhận thi hành bản án sơ thẩm, riêng bị cáo NTL kháng cáo phủ nhận toàn bộ lời khai, khẳng định không đưa LĐT số tiền 450.000.000đồng để "lo chi phí" cho chồng bị cáo là ông PTT không bị kỷ luật và cho rằng xác định số tiền trên chỉ là quan hệ vay mượn kinh doanh.

Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã hoãn phiên tòa nhiều lần theo yêu cầu của bị cáo để bị cáo cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng không đưa ra được những tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên cấp phúc thẩm không có cở sở chấp nhận.

[2.3] Xét, hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức nhà nước, gây mất trật tự trị an xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo luật định, xử phạt bị cáo NTL với mức án 2 năm tù về tội "Đưa hối lộ" và tịch thu sung quỹ số tiền trên là thỏa đáng, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo kêu oan của bị cáo NTL cũng như đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra lại của Luật sư.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo, nên bị cáo NTL phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Không chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo NTL, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2/ Tuyên bố bị cáo LĐT phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo NTL phạm tội: "Đưa hối lộ".

Áp dụng Điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung

2009: Xử phạt bị cáo LĐT: 07 (Bảy) năm tù.Thời hạn tù tính từ ngày: 30/07/2015.

Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo NTL: 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo NTL chịu số tiền 200.000đồng.

4/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- TAND TP. HCM (1);
- VKSND TP. HCM (1);
- Công an TP. HCM (1);
- Cục THADS TP. HCM (1);
- Trại tạm giam Công an TP. HCM (1);
- Các bị cáo (2):
- Lưu hồ sơ (3), VP, (HTKN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ HOÀNG TẤN